

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động nâng cấp chuỗi giá trị dừa tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2018 - 2020

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT T. TRÀ VINH
ĐẾN Số: 3264
Ngày: 25/7
Chuyển: *Phạm Huyền; KHC*
Lưu hồ sơ *CTM*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Tỉnh ủy về lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 08 NQ/TU ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 28-CT/TU ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 263/TTr-SNN ngày 18 tháng 6 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động nâng cấp chuỗi giá trị dừa tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2018 - 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào khung kế hoạch hành động này, các Sở, Ban, ngành, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo đạt hiệu quả theo yêu cầu, đúng quy định và đúng tiến độ.

2. Hàng năm, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động; có trách nhiệm theo dõi, tổ chức các hoạt động sơ kết, hội thảo, báo cáo, đánh giá, rút kinh nghiệm và xây dựng lộ trình để triển khai các nhiệm vụ kế hoạch nâng cấp chuỗi các năm tiếp theo, hoặc có những điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế.

Về kinh phí thực hiện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm việc cụ thể với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định riêng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Lao động, Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Giám đốc Dự án SME Trà Vinh; Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trường ĐHCT;
- Viện nghiên cứu dừa và cây có dầu;
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Các Phòng: KT, CN-XD, KG-VX, NC, TH;
- TT. TH - CB;
- Lưu: VT, NN. z†

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Nâng cấp chuỗi giá trị dứa tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2018 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh nhằm thu hút nhiều hơn đầu tư tư nhân và tạo ra nhiều doanh nghiệp hơn cho ngành hàng dứa của tỉnh, nhất là khu vực nông thôn;

- Cải thiện các dịch vụ kinh doanh nông thôn theo chuỗi giá trị nhằm giúp nông dân sản xuất và tiêu thụ ngành hàng dứa thuận lợi; làm cho doanh nghiệp đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển ở nông thôn và cho nền kinh tế của tỉnh;

- Tăng cường năng lực cho các cấp quản lý của tỉnh, huyện, xã nhằm quản lý và thực hiện hiệu quả trong việc tham gia hiệu quả ngành hàng dứa của tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch nâng cấp chuỗi giá trị dứa với các nhóm giải pháp can thiệp nhằm thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, tổ hợp tác và hợp tác xã đang sản xuất, kinh doanh và chế biến các sản phẩm liên quan đến dứa trong tỉnh Trà Vinh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Kế hoạch hành động nâng cấp chuỗi giá trị cây dứa của tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2018 - 2020, tỉnh Trà Vinh sẽ xây dựng được Đề án phát triển cây dứa một cách toàn diện.

- Mở rộng diện tích dứa của tỉnh đến năm 2020 trên 22.000 ha, cho sản lượng trên 321.000 tấn/năm; đến năm 2025 diện tích dứa của tỉnh trên 25.000 ha, cho sản lượng trên 375.000 tấn/năm tập trung ở các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang và thành phố Trà Vinh.

II. CHIẾN LƯỢC

Phát triển ngành hàng dứa của tỉnh theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn; tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu đa dạng trong nước và xuất khẩu đối với các dòng sản phẩm

chủ lực có lợi thế phát triển của cây dứa tại tỉnh; tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích, tăng thu nhập và đời sống cho nông dân trên cơ sở nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nước, lao động và nguồn vốn.

Việc trồng dứa cần được kết hợp trồng xen các loại cây trồng khác và phát triển chăn nuôi, nuôi trồng các loại thủy sản thích hợp trong ruộng vườn để tăng hiệu quả sản xuất và thu nhập trên đơn vị diện tích đất canh tác; đồng thời phát triển ổn định bền vững, tránh rủi ro những lúc bị biến động về giá cả thị trường.

III. GIẢI PHÁP

Có 03 nhóm giải pháp chính cần thực hiện, gồm:

- Cải tiến công nghệ, kỹ thuật;
- Giải pháp phát triển thị trường;
- Nâng cao vai trò hỗ trợ phát triển của các hiệp hội, ban ngành cấp tỉnh và Dự án SME Trà Vinh.

1. Nhóm giải pháp cải tiến công nghệ, kỹ thuật

Có 04 giải pháp cụ thể, gồm:

- Thay thế giống dứa và cải tiến kỹ thuật canh tác dứa;
- Cơ giới hóa khâu vận chuyển, sơ chế và đóng gói ngành chỉ xơ dứa;
- Đổi mới, cải tiến công nghệ sản xuất than gáo dứa thân thiện môi trường;
- Nâng cao điều kiện sản xuất và môi trường lao động an toàn.

a) Giải pháp: Thay thế giống dứa và cải tiến kỹ thuật canh tác dứa

Hoạt động 1: Xây dựng Đề án phát triển cây dứa

- Lý do thực hiện: Phát triển toàn diện ngành hàng dứa tỉnh Trà Vinh trong điều kiện biến đổi khí hậu.

- Thời gian thực hiện: Năm 2019.

- Địa điểm thực hiện: Tại các huyện trong tỉnh.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và các Viện, Trường.

- Phương pháp thực hiện: Thành lập tổ chuyên gia xây dựng, tổ chức thu thập thông tin, xây dựng đề án, hội thảo thống nhất ý kiến và mời chuyên gia phản biện.

- Kinh phí thực hiện: 500 triệu đồng, từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh.
- Thứ tự ưu tiên: I.
- Kết quả mong đợi: Đề án được phê duyệt, làm căn cứ để phát triển ngành hàng dứa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2019 - 2025 và tầm nhìn đến 2030.

Hoạt động 2: Chọn lọc các giống dứa hiện có và bình tuyển cây dứa mẹ thích nghi hạn mặn, cho năng suất cao và có thị trường tiêu thụ ổn định

- Lý do thực hiện: Hỗ trợ nông dân tăng diện tích trồng dứa thích nghi hạn mặn, đạt năng suất và chất lượng thị trường.

- Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2020.
- Địa điểm thực hiện: Tại các huyện trồng dứa trong tỉnh.
- Đơn vị thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Viện, Trường và địa phương.
- Phương pháp thực hiện: Thực hiện đề tài nghiên cứu ứng dụng.
- Kinh phí thực hiện: 500 triệu đồng, từ nguồn kinh phí khoa học công nghệ.

- Thứ tự ưu tiên: I.
- Kết quả mong đợi: Chọn được 2 - 3 giống dứa đáp ứng yêu cầu và báo cáo cụ thể về các đặc tính nông học... các giống dứa được chọn lọc; Bình tuyển được ít nhất 1.000 cây dứa mẹ để nhân giống tại các nhà vườn, Tổ hợp tác, hợp tác xã.

Hoạt động 3: Thực hiện mô hình thí điểm trồng giống dứa thích nghi hạn mặn

- Lý do thực hiện: Thay thế giống dứa và cải tiến kỹ thuật canh tác dứa thích nghi hạn mặn.

- Thời gian thực hiện: Năm 2020 và các năm tiếp theo.
- Địa điểm thực hiện: Tại các xã trồng dứa và bị ảnh hưởng hạn mặn trên địa bàn tỉnh.
- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Viện, Trường và các địa phương.
- Phương pháp thực hiện: Chọn hộ thích hợp thực hiện mô hình, hợp tác công tư (Nhà nước hỗ trợ giống, vật tư và hướng dẫn kỹ thuật).
- Kinh phí thực hiện: 500 triệu đồng từ nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học.

- Thứ tự ưu tiên: I.

- Kết quả mong đợi: Có 05 ha được thực hiện đạt năng suất và chất lượng đúng theo mong đợi.

Hoạt động 4: Tổ chức sản xuất cây dừa giống tại các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, doanh nghiệp kinh doanh giống.

- Lý do thực hiện: Nhằm từng bước xã hội hóa công tác sản xuất giống dừa, tăng nhanh tỷ lệ giống tốt giảm chi phí sản xuất.

- Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2020.

- Địa điểm thực hiện: Tại các huyện Châu Thành, Tiểu Cần, Trà Cú, Càng Long và Cầu Kè

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Trường Đại học Cần Thơ hoặc Viện nghiên cứu dầu và cây có dầu... và địa phương.

- Phương pháp thực hiện: Tập huấn theo phương pháp FFS.

- Kinh phí thực hiện: 200 triệu đồng từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh.

- Thứ tự ưu tiên: I.

- Kết quả mong đợi: 100% số Tổ hợp tác, Hợp tác xã, doanh nghiệp kinh doanh giống được hỗ trợ; 100% giống mới khi đưa ra trồng đạt yêu cầu.

Hoạt động 5: Hỗ trợ giống dừa mới thích nghi hạn mặn cho nông dân

- Lý do thực hiện: Giúp nông dân tăng diện tích trồng dừa chịu hạn mặn, đạt năng suất và chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Thời gian thực hiện: Năm 2020 và các năm tiếp theo.

- Địa điểm thực hiện: Tại các huyện Châu Thành, Tiểu Cần, Trà Cú, Càng Long và Cầu Kè.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện Châu Thành, Trà Cú.

- Phương pháp thực hiện: Kết hợp địa phương chọn hộ thích hợp thực hiện mô hình.

- Kinh phí thực hiện: 1,5 tỷ đồng (300 triệu đồng/năm), từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh.

- Thứ tự ưu tiên: II.

- Kết quả mong đợi: 100% số hộ có nhu cầu trồng giống dưa mới được hỗ trợ.

Hoạt động 6: Tập huấn kỹ thuật canh tác dưa

- Lý do thực hiện: Nâng cao trình độ kỹ thuật canh tác cho người trồng dưa.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

- Địa điểm thực hiện: Tại các huyện trồng dưa trong tỉnh.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện.

- Phương pháp thực hiện: Tập huấn theo phương pháp FFS.

- Kinh phí thực hiện: 1,8 tỷ đồng (30 triệu đồng/lớp), từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh và các chương trình, dự án khác.

- Thứ tự ưu tiên: I.

- Kết quả mong đợi: tổ chức tập huấn được 60 lớp (30 học viên/lớp) trong thời gian 3 năm với 1.800 hộ nông dân tham.

Hoạt động 7: Tập huấn kỹ thuật trồng dưa theo tiêu chuẩn VietGAP (bao gồm Organic, GlobalGAP và các tiêu chuẩn GAP khác)

- Lý do thực hiện: Tập huấn kỹ thuật trồng dưa theo tiêu chuẩn VietGAP, mở rộng thị trường theo tiêu chuẩn Quốc tế.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

- Địa điểm Thực hiện: tại các huyện Càng Long, Châu Thành, Tiểu Cần và Cầu Kè.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Viện, trường và Doanh nghiệp thu mua.

- Phương pháp thực hiện: Liên hệ chọn các địa phương phù hợp; Tổ chức tập huấn hướng dẫn theo FFS mỗi lớp 07 ngày/khoá.

- Kinh phí thực hiện: 300 triệu đồng/10 lớp, từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh và các chương trình, dự án khác.

- Thứ tự ưu tiên: II

- Kết quả mong đợi: Có ít nhất 300 hộ trồng dưa ở các Tổ hợp tác, Hợp tác xã trồng dưa tham gia lớp.

Hoạt động 8: Tham quan mô hình trồng dưa theo tiêu chuẩn Organic hoặc các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu của doanh nghiệp thu mua

- Lý do thực hiện: Học tập kinh nghiệm kỹ thuật trồng dưa theo tiêu chuẩn Organic.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

- Địa thực hiện: Tại tỉnh Bến Tre và một số tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Đơn vị thực hiện: Dự án SME Trà Vinh chủ trì, phối hợp với các Công ty, doanh nghiệp, nông dân trong Tổ hợp tác, hợp tác xã trồng dưa.

- Phương pháp thực hiện: Tổ chức tham quan học hỏi kinh nghiệm.

- Kinh phí thực hiện: 200 triệu đồng, từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh và các nguồn khác.

- Thứ tự ưu tiên: II.

- Kết quả mong đợi: Nông dân học hỏi và hiểu biết được trồng dưa theo tiêu chuẩn Organic...

Hoạt động 9: Chứng nhận vùng trồng dưa đạt tiêu chuẩn organic cho các Tổ hợp tác, Hợp tác xã trồng dưa

- Lý do thực hiện: Đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp; mở rộng thị trường và gia tăng giá trị các sản phẩm từ dưa.

- Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2020.

- Địa điểm thực hiện: Chọn địa điểm đủ điều kiện thực hiện tại địa phương theo yêu cầu doanh nghiệp.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các tổ chức chứng nhận, Dự án SME Trà Vinh và địa phương.

- Phương pháp thực hiện: Thông báo, mời các Tổ chức chứng nhận tham gia.

- Kinh phí thực hiện: 01 tỷ đồng, từ ngân sách tỉnh và các nguồn khác.

- Thứ tự ưu tiên: II.

- Kết quả mong đợi: Ít nhất 200 ha dưa được chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ hoặc các tiêu chuẩn khác đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp thu mua.

b) Giải pháp: Cơ giới hóa khâu vận chuyển, sơ chế và đóng gói ngành chỉ xơ dưa.

Hoạt động 10: Khảo sát nhu cầu và đầu tư cơ giới hóa trong khâu vận chuyển dưa từ phương tiện vận chuyển lên bãi lớt dưa và ngược lại.

- Lý do thực hiện: Góp phần tăng năng suất lao động, giảm chi phí bốc dỡ nguyên liệu.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2019.

- Địa điểm thực hiện: Tại các cơ sở sơ chế, doanh nghiệp chế biến chỉ xơ dừa ở các huyện Càng Long, Trà Cú, Tiểu Cần.

- Đơn vị thực hiện: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Dự án SME; huyện: Càng Long, Trà Cú và Tiểu Cần; các cơ sở sơ chế, doanh nghiệp chế biến chỉ xơ dừa.

- Phương pháp thực hiện: Điều tra, phỏng vấn, trao đổi với các cơ sở, doanh nghiệp để phân tích, đánh giá nhu cầu và tính khả thi của hoạt động.

- Kinh phí thực hiện: 500 triệu đồng (150 - 200 triệu đồng/dây chuyền thiết bị) từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh và các nguồn khác (Hỗ trợ bằng hình thức: vốn của Nhà nước và vốn đối ứng của Doanh nghiệp, hỗ trợ theo quy định hiện hành).

- Thứ tự ưu tiên: II.

- Kết quả mong đợi: Đầu tư ít nhất 02 cơ sở, doanh nghiệp để làm mô hình cắt giảm được 30% chi phí lao động.

Hoạt động 11: Đầu tư hỗ trợ thiết bị đập vỏ dừa; ép kiện; xử lý tơ trên sản phẩm chỉ xơ dừa (thảm dừa).

- Lý do thực hiện: Giảm thiểu hao hụt và tăng hệ số thành phẩm chỉ xơ dừa từ nguyên liệu.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

- Địa điểm thực hiện: Các cơ sở, doanh nghiệp chế biến chỉ xơ dừa trên địa bàn tỉnh.

- Đơn vị thực hiện: Sở Công Thương hoặc Dự án SME chủ trì, phối hợp với Dự án AMD, cơ sở, doanh nghiệp.

- Phương pháp thực hiện: Chọn lựa cơ sở, doanh nghiệp tham gia; thông báo, mời thầu cung cấp thiết bị.

- Kinh phí thực hiện: 1,5 tỷ đồng, từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh: dự án SME, nguồn khác và vốn đối ứng của cơ sở, doanh nghiệp (Hỗ trợ bằng hình thức: vốn của Nhà nước và vốn đối ứng của Doanh nghiệp, hỗ trợ theo quy định hiện hành).

- Thứ tự ưu tiên: II.

- Kết quả mong đợi: Có ít nhất 2 thiết bị được đầu tư cho 2 cơ sở, giảm được 30% chi phí nhân công và nhiên liệu so hiện tại.

c) Giải pháp: Đổi mới, cải tiến công nghệ sản xuất than gáo dừa thân thiện môi trường

Hoạt động 12: Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng và tác động môi trường của sản xuất than than kết (gáo dừa)

- Lý do thực hiện: Làm cơ sở cho việc đổi mới và cải tiến kỹ thuật sản xuất than gáo dừa (than than kết) theo hướng thân thiện với môi trường.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

- Địa điểm thực hiện: Các cơ sở sơ đốt than gáo dừa (các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành và TP Trà Vinh).

- Đơn vị thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Viện Trường (cơ quan chuyên môn).

- Phương pháp thực hiện: Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học.

- Kinh phí thực hiện: 500 triệu đồng từ nguồn kinh phí khoa học công nghệ.

- Thứ tự ưu tiên: II.

- Kết quả mong đợi: Đo lường được các chỉ tiêu môi trường, chỉ ra các nguyên nhân gây ô nhiễm và biện pháp khắc phục. Đề xuất được giải pháp về công nghệ khắc phục ô nhiễm.

Hoạt động 13: Đầu tư hỗ trợ thực hiện và triển khai nhân rộng mô hình cải tiến công nghệ đốt than gáo dừa

- Lý do thực hiện: Đổi mới và cải tiến kỹ thuật sản xuất than gáo dừa (than than kết) theo hướng thân thiện với môi trường.

- Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2020.

- Địa điểm thực hiện: Các cơ sở đốt than gáo dừa.

- Đơn vị thực hiện: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ sở sản xuất than gáo dừa, Dự án SME.

- Phương pháp thực hiện: Đầu tư hỗ trợ thực hiện mô hình thí điểm (hợp tác công tư).

- Kinh phí thực hiện: 1,8 tỷ đồng từ nguồn kinh phí Dự án SME Trà Vinh, các nguồn khác và đối ứng của Doanh nghiệp.

- Thứ tự ưu tiên: II.

- Kết quả mong đợi: 70% cơ sở đốt than gáo dừa tham gia thực hiện đổi mới công nghệ đốt than.

d) Giải pháp: Nâng cao điều kiện sản xuất và môi trường lao động an toàn

Hoạt động 14: Hỗ trợ cải tạo nền đất của nơi se chỉ xơ dừa của các hộ theo hình thức trải bạt

- Lý do thực hiện: Nâng cao và đảm bảo chất lượng sản phẩm chỉ xơ dừa.

- Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2020.

- Địa điểm thực hiện: Các hộ nghèo, cận nghèo tham gia các tổ liên kết với doanh nghiệp dệt thảm, dệt lưới xuất khẩu.

- Đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Dự án SME.

- Cách thức thực hiện: Hỗ trợ kinh phí trải bạt (diện tích khoảng 60m²/hộ) Khoảng 2 triệu đồng/hộ.

- Kinh phí thực hiện: 100 triệu đồng/50hộ, từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh và các nguồn, dự án khác

- Thứ tự ưu tiên: II.

- Kết quả mong đợi: Nâng cao năng suất, điều kiện lao động.

Hoạt động 15: Nghiên cứu giải pháp về công nghệ để giảm ô nhiễm (tiếng ồn và bụi) trong khâu sơ chế chỉ xơ dừa

- Lý do thực hiện: Bảo vệ môi trường và sức khỏe người lao động trong khâu sơ chế chỉ xơ dừa.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018-2020.

- Địa điểm thực hiện: Các cơ sở sơ chế chỉ xơ dừa.

- Đơn vị thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Viện Trường (cơ quan chuyên môn).

- Phương pháp thực hiện: Thực hiện đề tài nghiên cứu và đề ra các giải pháp để khắc phục ô nhiễm.

- Kinh phí thực hiện: 500 triệu đồng, từ nguồn kinh phí khoa học công nghệ

- Thứ tự ưu tiên: II.

- Kết quả mong đợi: Giải pháp công nghệ phù hợp về tài chính và khả thi cao. Giảm được 70% (ước tính qua quan sát) ô nhiễm do bụi và tiếng ồn.

Hoạt động 16: Tuyên truyền, hướng dẫn điều kiện bảo hộ lao động khi tham gia sản xuất

- Lý do thực hiện: Nâng cao ý thức, an toàn hơn cho người lao động khi tham gia sản xuất.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

- Địa điểm thực hiện: các cơ sở sơ chế, hộ se chỉ xơ dừa.

- Đơn vị thực hiện: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan.

- Phương pháp thực hiện: Tổ chức tập huấn, huấn luyện tại cơ sở sơ chế, hộ se chỉ.

- Kinh phí thực hiện: 195 triệu đồng/13 lớp, từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh và các nguồn khác.

- Thứ tự ưu tiên: I.

- Kết quả mong đợi: Có ít nhất 70% lao động tại các cơ sở sơ chế tham gia tập huấn.

Hoạt động 17: Hỗ trợ thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời phục vụ phơi tơ xơ dừa (che kính bằng tấm bạc).

- Lý do thực hiện: Hoạt động được thực hiện nhằm mục đích nâng cao và đảm bảo chất lượng sản phẩm chỉ xơ dừa, tiết kiệm điện, công lao động, nhất là góp phần bảo vệ môi trường.

- Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2020.

- Địa điểm thực hiện: Các cơ sở, công ty, doanh nghiệp se chỉ tơ xơ dừa.

- Đơn vị thực hiện: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan.

- Phương pháp thực hiện: Khảo sát nắm nhu cầu của các cơ sở, công ty, doanh nghiệp se chỉ tơ xơ dừa, lập danh sách, hồ sơ để hỗ trợ (hỗ trợ theo hình thức vốn nhà nước và đối ứng của doanh nghiệp theo quy định hiện hành).

- Kinh phí thực hiện: Từ 200 - 500 triệu đồng/50 m², từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh và các nguồn khác (Hỗ trợ bằng hình thức: vốn của Nhà nước và vốn đối ứng của Doanh nghiệp, hỗ trợ theo quy định hiện hành).

- Thứ tự ưu tiên: II.

- Kết quả mong đợi: Hỗ trợ từ 2 - 5 cơ sở, doanh nghiệp sản xuất chỉ tơ xơ dừa (diện tích khoảng 50m² - 100 m²/cơ sở).

2. Nhóm giải pháp phát triển thị trường

Có 02 giải pháp cụ thể, gồm:

- Phát triển đa dạng hóa sản phẩm từ dừa;
- Nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp và tiếp cận thị trường;

a) *Giải pháp: Phát triển đa dạng hóa sản phẩm từ dừa*

Hoạt động 18: Khảo sát, đánh giá nhu cầu thị trường theo hướng đa dạng hóa sản phẩm từ mụn dừa; Nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước để xác định lượng cầu về 2 sản phẩm than viên không khói và hộp than khử mùi; Xác định nhu cầu đa dạng hóa sản phẩm của cơ sở, doanh nghiệp sơ chế, chế biến

- Lý do thực hiện: Khảo sát, đánh giá nhu cầu thị trường theo hướng đa dạng hóa sản phẩm từ mụn dừa; nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước để xác định lượng cầu về 02 sản phẩm than viên không khói và hộp than khử mùi; Xác định nhu cầu đa dạng hóa sản phẩm của cơ sở, doanh nghiệp sơ chế, chế biến.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

- Địa điểm thực hiện: Các tác nhân tham gia thị trường dừa trong và ngoài tỉnh.

- Đơn vị thực hiện: Dự án SME Trà Vinh chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp, Hiệp hội doanh nghiệp và các ngành có liên quan.

- Phương pháp thực hiện: Khảo sát, đánh giá theo “dòng chảy của chuỗi giá trị” từ các đầu mối thu mua mụn dừa của các cơ sở sơ chế. Mời chuyên gia tham gia nghiên cứu và trao đổi trực tiếp xác định nhu cầu và khả năng thực hiện đa dạng hóa sản phẩm.

- Kinh phí thực hiện: 500 triệu đồng, từ nguồn kinh phí Dự án SME Trà Vinh.

- Thứ tự ưu tiên: I.

- Kết quả mong đợi: Xác định được thị trường tiêu thụ sản phẩm từ dừa và khả năng kết nối thị trường; Có ít nhất 02 cơ sở, doanh nghiệp đồng thuận thực hiện đa dạng hóa sản phẩm.

Hoạt động 19: Hỗ trợ thực hiện mô hình chế biến đa dạng hóa các sản phẩm từ dừa (trên cơ sở đánh giá nhu cầu ở hoạt động 18)

- Lý do thực hiện: Hỗ trợ ban đầu cho doanh nghiệp thực hiện mô hình đa dạng hóa sản phẩm, làm gia tăng giá trị các sản phẩm.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

- Địa điểm thực hiện: Tại những doanh nghiệp, cơ sở chế biến tự nguyện tham gia mô hình.

- Đơn vị thực hiện: Dự án SME Trà Vinh chủ trì, phối hợp với đối tác cung cấp tư vấn chuyên giao công nghệ thực hiện đa dạng hóa sản phẩm.

- Phương pháp thực hiện: Thực hiện mô hình tại các cơ sở, doanh nghiệp chế biến, hợp tác công tư.

- Kinh phí thực hiện 5 tỷ đồng, từ nguồn kinh phí Dự án SME Trà Vinh.

- Thứ tự ưu tiên: II.

- Kết quả mong đợi: Có ít nhất 03 cơ sở, doanh nghiệp tham gia.

Hoạt động 20: Mời gọi xây dựng nhà máy chế biến (nước dừa đóng hộp, bột dừa, đồ thủ công mỹ nghệ,...)

- Lý do thực hiện: Xây dựng được nhà máy chế biến các sản phẩm có giá trị gia tăng cao từ nguồn nguyên liệu cây dừa của tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2020.

- Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh.

- Đơn vị thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương có liên quan và các chuyên gia cùng các nhà đầu tư.

- Phương pháp thực hiện: Kêu gọi đầu tư xây dựng.

- Kinh phí thực hiện: 500 tỷ đồng, từ nguồn kinh phí kêu gọi đầu tư và ngân sách tỉnh.

- Thứ tự ưu tiên: I.

- Kết quả mong đợi: Xây dựng được 01 nhà máy chế biến các sản phẩm có giá trị gia tăng từ nguồn nguyên liệu dừa.

b) Giải pháp: Nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp và tiếp cận thị trường

Hoạt động 21: Đánh giá nhu cầu đào tạo nâng cao năng lực cho cơ sở, doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị (Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh...)

- Lý do thực hiện: Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2019.

- Địa điểm thực hiện: Các cơ sở, doanh nghiệp nhỏ và vừa... tham gia CGT dừa trong tỉnh.

- Đơn vị thực hiện: Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Trà Vinh, hoặc thuê tư vấn thực hiện phối hợp Dự án SME.

- Phương pháp thực hiện: Khảo sát trực tiếp về nguyện vọng đào tạo nâng cao năng lực, tổ chức hội nghị để gặp gỡ các Doanh nghiệp.

- Kinh phí thực hiện: 200 triệu đồng, từ nguồn kinh phí Dự án SME Trà Vinh.

- Thứ tự ưu tiên: I.

- Kết quả mong đợi: Có được danh mục các nội dung cần đào tạo, huấn luyện, hình thức đào tạo.

Hoạt động 22: Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho doanh nghiệp.

- Lý do thực hiện: Trang bị và cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực kỹ năng quản lý và tiếp cận thị trường cho doanh nghiệp.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

- Địa điểm thực hiện: Các địa phương trong tỉnh.

- Đơn vị thực hiện: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Trà Vinh và Dự án SME Trà Vinh.

- Phương pháp thực hiện: Mời chuyên gia đào tạo, tập huấn.

- Kinh phí thực hiện: 600 triệu đồng, từ nguồn kinh phí Dự án SME Trà Vinh.

- Thứ tự ưu tiên: II.

- Kết quả mong đợi: Có trên 70% doanh nghiệp tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện theo chuyên đề đề xuất đạt yêu cầu.

Hoạt động 23: Thành lập Hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ sản phẩm dựa với quy mô toàn tỉnh (hoạt động mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị dừa).

- Lý do thực hiện: Nâng cao vai trò liên kết ngang, định hướng hợp tác xã kinh doanh đa dịch vụ.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020 và các năm tiếp theo.

- Địa thực hiện: Toàn tỉnh.

- Đơn vị thực hiện: Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan và các chuyên gia.

- Phương pháp thực hiện: Phối hợp chính quyền địa phương và các ngành chức năng, mời chuyên gia tư vấn, vận động nông dân các huyện trồng dừa đăng ký thành lập.

- Kinh phí thực hiện: 3 - 5 tỷ đồng, từ nguồn kinh phí Dự án SME Trà Vinh.

- Thứ tự ưu tiên: I.

- Kết quả mong đợi: Thành lập được Hợp tác xã hoạt động mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị dừa với trên 500 hộ trồng dừa tham gia vào hợp tác xã.

Hoạt động 24: Tổ chức cho các doanh nghiệp tham quan các mô hình quản lý doanh nghiệp và tiếp cận thị trường hiệu quả.

- Lý do thực hiện: Tạo cơ hội cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp thu các kỹ năng quản lý doanh nghiệp.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

- Địa điểm thực hiện: Các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh Trà Vinh.

- Đơn vị thực hiện: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Dự án SME Trà Vinh.

- Phương pháp thực hiện: Tổ chức các chuyên tham quan.

- Kinh phí thực hiện: 180 triệu đồng/3năm, từ nguồn kinh phí Dự án SME Trà Vinh.

- Thứ tự ưu tiên: II.

- Kết quả mong đợi: Tổ chức được 06 chuyên tham quan, mỗi chuyên tham quan có từ 20 - 30 đại diện doanh nghiệp tham gia.

3. Nhóm giải pháp nâng cao vai trò hỗ trợ phát triển của các hiệp hội, ban ngành cấp tỉnh và Dự án SME Trà Vinh

Có giải pháp cụ thể, gồm:

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Hình thành mạng lưới vệ tinh cung cấp dừa trái cho nhà máy chế biến dừa.

a) Giải pháp: Tăng cường công tác xúc tiến thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Hoạt động 25: Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư và thương mại kết nối thị trường trong, ngoài nước để tìm kiếm thị trường, đa dạng hóa sản phẩm

- Lý do thực hiện: Tạo cơ hội, diễn đàn giới thiệu kết nối, hợp tác kinh doanh các sản phẩm từ dừa của Trà Vinh với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

- Địa điểm thực hiện: Trong và ngoài nước.

- Đơn vị thực hiện: Dự án SME Trà Vinh chủ trì, phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các Sở, ngành có liên quan.

- Phương pháp thực hiện: Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư và thương mại (hội thảo, triển lãm...).

- Kinh phí thực hiện: 6 tỷ đồng/3năm, từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh và các nguồn khác.

- Thứ tự ưu tiên: I.

+ Kết quả mong đợi: Trên 50% doanh nghiệp trong chuỗi giá trị dừa tham gia và có sản phẩm trưng bày; mời được các nhà đầu tư, kinh doanh các sản phẩm dừa ngoài nước (như Hàn Quốc, Nhật, Trung Quốc...) tham gia.

Hoạt động 26: Hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng các phần mềm quản lý doanh nghiệp (theo kết quả của Hoạt động 24)

- Lý do thực hiện: Giúp cho doanh nghiệp thuận tiện trong quản lý, theo dõi các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

- Địa điểm thực hiện: Tại các doanh nghiệp có nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin .

- Đơn vị thực hiện: Dự án SME Trà Vinh chủ trì, phối hợp với nhà cung cấp giải pháp công nghệ thông tin trong quản lý.

- Phương pháp thực hiện: Hỗ trợ một phần hoặc toàn phần chi phí lập trình hoặc cài đặt phần mềm cho doanh nghiệp.

- Kinh phí thực hiện: 200 triệu đồng, từ nguồn kinh phí Dự án SME Trà Vinh.

- Thứ tự ưu tiên: I.

- Kết quả mong đợi: 50% doanh nghiệp có nhu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin được hỗ trợ; 80% doanh nghiệp được hỗ trợ có thể khai thác phần mềm hiệu quả.

b) Giải pháp: Hình thành mạng lưới vệ tinh cung cấp dứa trái cho nhà máy chế biến dứa

Hoạt động 27: Liên kết các cơ sở thu mua, sơ chế, kinh doanh nhỏ với các doanh nghiệp đầu tàu.

- Lý do thực hiện: Cung cấp đủ nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

- Địa điểm thực hiện: Huyện Tiểu Cần.

- Đơn vị thực hiện: Dự án SME Trà Vinh chủ trì, phối hợp với Sở, ngành có liên quan và Hiệp hội Doanh nghiệp Trà Vinh.

- Phương pháp thực hiện: Ký hợp đồng cung cấp nguyên liệu.

- Kinh phí thực hiện: 250 triệu đồng, từ nguồn kinh phí Dự án SME Trà Vinh.

- Thứ tự ưu tiên: I.

- Kết quả mong đợi: Ký được hợp đồng cung cấp nguyên liệu với ít nhất 5 vệ tinh.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Trên đây là Kế hoạch hành động nâng cấp chuỗi giá trị dứa tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2018 - 2020; yêu cầu Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, địa phương có liên quan phối hợp triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, kịp thời báo cáo các khó khăn, vướng mắc; đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xem xét, xử lý theo thẩm quyền./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KI CHỨC TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái



PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NÂNG CẤP CHUỖI GIÁ TRỊ CÂY DỪA TỈNH TRÀ VINH GIAI ĐOẠN 2018 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 1476 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Thứ tự	Giải pháp & Hoạt động	Mục tiêu chung	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Mức kinh phí & nguồn kinh phí thực hiện	Kết quả mong đợi & chỉ số đo lường	Thứ tự ưu tiên	Rủi ro
I. Chiến lược cải tiến công nghệ, kỹ thuật												
1. Giải pháp 1: Thay thế giống dừa và cải tiến kỹ thuật canh tác dừa												
1.1	HD1: Xây dựng đề án phát triển cây dừa	Phát triển toàn diện ngành hàng dừa tỉnh Trà Vinh trong điều kiện biến đổi khí hậu	Đề ra được các chiến lược, các giải pháp cụ thể để phát triển cây dừa giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành có liên quan; Các Viện, Trường	Các huyện tỉnh Trà Vinh	Năm 2019	Thành lập tổ chuyên gia xây dựng, tổ chức thu thập thông tin, xây dựng đề án, hội thảo thống nhất ý kiến và mời chuyên gia phản biện	500 triệu đồng, từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh	Đề án được phê duyệt, làm căn cứ để phát triển ngành hàng dừa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến 2030.	I	Không mời được chuyên gia giỏi, thời gian thực hiện chậm tiến độ
1.2	HD2: Chọn lọc các giống dừa hiện có và bình tuyển cây dừa mẹ thích nghi hạn mặn,	Hỗ trợ nông dân tăng diện tích trồng dừa thích nghi hạn mặn, đạt năng suất và chất	- Điều tra, chọn được 2-3 giống dừa đáp ứng yêu cầu; - Bình tuyển cây dừa mẹ để phục vụ	Sở KH-CN	Trường ĐHTC hoặc Viện nghiên cứu dầu và cây có dầu...)	Các huyện trồng dừa trong tỉnh	Năm 2019-2020 trở đi	Thực hiện đề tài nghiên cứu ứng dụng	Kinh phí 500 triệu đồng; từ nguồn kinh phí khoa học công nghệ	- Chọn được 2-3 giống dừa đáp ứng yêu cầu và báo cáo cụ thể về các đặc tính nông học... các giống dừa	I	Thời gian trồng đến thu hoạch trên 5 năm nên yêu cầu thị trường có thể thay

Thứ tự	Giải pháp & Hoạt động	Mục tiêu chung	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Mức kinh phí & nguồn kinh phí thực hiện	Kết quả mong đợi & chỉ số đo lường	Thứ tự ưu tiên	Rủi ro
	cho năng suất cao và có thị trường tiêu thụ ổn định	lượng thị trường	cho công tác nhân giống tại chỗ		và địa phương					được chọn lọc; - Bình tuyển được ít nhất 1.000 cây dứa mẹ để nhân giống tại các nhà vườn, Tổ HT, HTX		đổi
1.3	HĐ3: Thực hiện mô hình thí điểm giống dứa thích nghi hạn mặn (các giống chịu hạn, mặn của Trung tâm nghiên cứu dứa Đồng Gò, Bến Tre).	Thay thế giống dứa và cải tiến kỹ thuật canh tác dứa thích nghi hạn mặn.	Xây dựng 05 mô hình trình diễn giống dứa thích nghi hạn mặn với diện tích mỗi mô hình 01 ha.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Viện, Trường và địa phương.	Thực hiện mô hình tại xã trồng dứa và bị ảnh hưởng hạn mặn	Từ 2020 trở đi	- Chọn hộ thích hợp thực hiện mô hình; - Hợp tác công tư (Nhà nước hỗ trợ giống, vật tư và hướng dẫn kỹ thuật)	Kinh phí 500 triệu đồng; từ nguồn kinh phí khoa học công nghệ	Có 05 ha được thực hiện đạt , năng suất và chất lượng đúng theo mong đợi	I	Thời gian thực hiện kéo dài.
1.4	HĐ4: Tổ chức sản xuất cây dứa giống tại các nông hộ, Tổ hợp tác, Hợp tác	Nhằm từng bước xã hội hóa công tác sản xuất giống dứa, tăng nhanh tỷ lệ giống	Cung cấp đủ nhu cầu giống tốt tại chỗ.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Trường ĐHCT hoặc Viện nghiên cứu dứa và cây có	Các huyện: Châu Thành, Tiểu Cần, Trà Cú, Càng Long và Cầu Kè	2019-2020	Tập huấn theo phương pháp FFS	200 triệu đồng; từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh	- 100% các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, doanh nghiệp kinh doanh giống được hỗ trợ; - 100% giống	I	Tỷ lệ giống đạt chất lượng tốt chưa cao do tay nghề học viên không

Thứ tự	Giải pháp & Hoạt động	Mục tiêu chung	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Mức kinh phí & nguồn kinh phí thực hiện	Kết quả mong đợi & chỉ số đo lường	Thứ tự ưu tiên	Rủi ro
	xã, doanh nghiệp kinh doanh giống.	tốt giảm chi phí sản xuất			dầu...) và địa phương					mới khi đưa ra trồng đạt yêu cầu.		đồng đều
1.5	HD5: Hỗ trợ giống dừa mới thích nghi hạn mặn cho nông dân	Giúp nông dân tăng diện tích trồng dừa chịu hạn mặn, đạt năng suất và chất lượng thị trường	50 hộ/năm có nhu cầu trồng dừa được hỗ trợ giống dừa. (2.000 m ² /hộ)	Ngành nông nghiệp	Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện Châu Thành, Trà Cú, Càng Long và Cầu Kè.	Các huyện: Châu Thành, Tiểu Cần, Trà Cú, Càng Long và Cầu Kè	Năm 2020 trở đi	- Kết hợp các địa phương chọn hộ; - Báo cáo cụ thể quá trình thực hiện	Kinh phí: 1,5 tỷ đồng (300 triệu đồng/năm); nguồn kinh phí ngân sách tỉnh	100% số hộ có nhu cầu trồng giống dừa mới được hỗ trợ.	II	Thời gian thực hiện nghiên cứu kéo dài nhiều năm
1.6	HD6: Tập huấn kỹ thuật canh tác dừa	Nâng cao trình độ kỹ thuật canh tác cho người trồng dừa	Tập huấn kỹ thuật canh tác, hộ được tập huấn sẽ tăng ít nhất 20% năng suất dừa so với khi chưa được tập huấn.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Phòng NN-PTNT các huyện	Các xã/huyện có trồng dừa trong tỉnh	2018 -2020	Tập huấn theo phương pháp FFS	Kinh phí: 1,8 tỷ đồng (30 triệu đồng/lớp; nguồn kinh phí ngân sách tỉnh và các chương trình, dự án khác	60 lớp (30 học viên/lớp) được thực hiện/3 năm với 1.800 hộ nông dân tham gia	I	- Thiếu kinh phí thực hiện - Học viên tiếp thu không đồng đều, đến lớp không đầy đủ.
1.7	HD7: Tập huấn kỹ thuật trồng dừa theo tiêu chuẩn	Tập huấn kỹ thuật trồng dừa theo tiêu chuẩn VietGAP,	Đáp ứng theo yêu cầu của doanh nghiệp thu mua	Sở Nông nghiệp và PTNT	Viện, trường và Doanh nghiệp	Huyện Càng Long, Châu Thành, Tiểu Cần và Cầu Kè	2018 -2020	- Liên hệ chọn các địa phương phù hợp. - Tổ chức	Kinh phí: 300 triệu đồng/10 lớp; nguồn kinh phí ngân	Có ít nhất 300 hộ trồng dừa ở các Tổ hợp tác, Hợp tác xã trồng dừa	II	Thiếu hoặc không có kinh phí để thực hiện, không có

Thứ tự	Giải pháp & Hoạt động	Mục tiêu chung	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Mức kinh phí & nguồn kinh phí thực hiện	Kết quả mong đợi & chỉ số đo lường	Thứ tự ưu tiên	Rủi ro
	VietGAP (bao gồm VietGAP, GlobleGAP, Organic...	mở rộng thị trường theo tiêu chuẩn Quốc tế			thu mua			tập huấn hướng dẫn theo FFS mỗi lớp 07 ngày/khoá	sách tính và các chương trình, dự án khác	tham gia lớp.		chương trình, dự án tài trợ
1.8	HĐ8: Tham quan mô hình trồng dứa theo tiêu chuẩn Organic hoặc các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu của DN thu mua	Học tập kinh nghiệm kỹ thuật trồng dứa theo tiêu chuẩn Organic...	Tổ chức 6 cuộc có trên 70% nông dân tham gia lớp tập huấn tại hoạt động 1.7 tham gia	Dự án SME	- Các Công ty, doanh nghiệp; - Nông dân trong Tổ hợp tác, hợp tác xã trồng dứa	Bến Tre và một số tỉnh vùng ĐBSCL	Năm 2018-2020	Tổ chức tham quan học hỏi kinh nghiệm	Kinh phí 200 triệu đồng từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh và các nguồn khác	Nông dân học hỏi và hiểu biết được trồng dứa theo tiêu chuẩn Organic...	II	Thành phần tham dự không đúng và không đầy đủ.
1.9	HĐ9: Chứng nhận vùng trồng dứa đạt tiêu chuẩn organic cho các THT, HTX trồng dứa	Đáp ứng yêu cầu Doanh nghiệp; Mở rộng thị trường và gia tăng giá trị các sản phẩm từ dứa	Cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ (Organic) hoặc các tiêu chuẩn khác cho các THT, HTX	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các tổ chức chứng nhận, DA SME và địa phương	Chọn địa điểm đủ điều kiện thực hiện tại địa phương theo yêu cầu DN	2019-2020	Thông báo, mời các Tổ chức chứng nhận tham gia.	1 tỷ đồng, từ kinh phí ngân sách tỉnh và các nguồn khác	Ít nhất 200 ha dứa được chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ hoặc các tiêu chuẩn khác đáp ứng yêu cầu DN thu mua	II	Không có yêu cầu từ DN, không chọn được hộ tham gia đủ điều kiện.

2. Giải pháp 2: Cơ giới hóa khâu vận chuyển, sơ chế và đóng gói ngành chỉ xơ

2.1	HĐ10:	Góp phần	Năm nhu cầu	Sở Công	- Dự án	Tại các cơ	Năm	- Điều tra,	Khoảng 500	Đầu tư ít nhất	II	
-----	-------	----------	-------------	---------	---------	------------	-----	-------------	------------	----------------	----	--

Thứ tự	Giải pháp & Hoạt động	Mục tiêu chung	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Mức kinh phí & nguồn kinh phí thực hiện	Kết quả mong đợi & chỉ số đo lường	Thứ tự ưu tiên	Rủi ro
	Khảo sát nhu cầu và đầu tư cơ giới hóa trong khâu vận chuyển đũa từ phương tiện vận chuyển lên bãi lột đũa và ngược lại	tăng năng suất lao động, giảm chi phí bốc dỡ nguyên liệu.	của các cơ sở và doanh nghiệp muốn đầu tư hệ thống bốc dỡ tại các huyện Càng Long, Trà Cú và Tiểu Cần	Thương	SME; huyện: Càng Long, Trà Cú và Tiểu Cần; Các cơ sở sơ chế, doanh nghiệp chế biến chỉ xơ đũa;	sơ sơ chế, doanh nghiệp chế biến chỉ xơ đũa ở các huyện Càng Long, Trà Cú, Tiểu Cần	2018-2019	phỏng vấn, trao đổi với các cơ sở, doanh nghiệp để phân tích, đánh giá nhu cầu và tính khả thi của hoạt động	triệu đồng (150-200 triệu đồng/dây chuyền thiết bị) từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh và các nguồn khác (Hỗ trợ bằng hình thức: vốn của nhà nước và vốn đối ứng của doanh nghiệp, hỗ trợ theo quy định hiện hành)	2 cơ sở, doanh nghiệp để làm mô hình cắt giảm được 30% chi phí lao động.		- Giá nhân công thấp nên chưa có nhu cầu áp dụng công nghệ; -Thiếu vốn đối ứng vốn từ cơ sở, doanh nghiệp
2.2	HĐ11: Đầu tư hỗ trợ thiết bị đập vỏ đũa; ép kiện; xử lý tơ trên sản phẩm chỉ xơ đũa (thảm đũa)	Giảm thiểu hao hụt và tăng hệ số thành phẩm chỉ xơ đũa từ nguyên liệu	Đầu tư công nghệ làm tăng hệ số thành phẩm từ nguyên liệu	Sở Công Thương Hoặc SME	Dự án AMD, cơ sở, doanh nghiệp	Các cơ sở, doanh nghiệp chế biến chỉ xơ đũa;	Năm 2018-2020	- Chọn lựa cơ sở, doanh nghiệp tham gia; - Thông báo, mời thầu cung cấp thiết bị	Kinh phí: 1,5 tỷ đồng; nguồn kinh phí Dự án SME Trà Vinh, nguồn khác và vốn đối ứng của cơ sở, doanh nghiệp (Hỗ	Có ít nhất 2 thiết bị được đầu tư cho 2 cơ sở; giảm được 30% chi phí nhân công và nhiên liệu so hiện tại	II	Giá thiết bị cao dẫn đến khả năng hoàn vốn kéo dài; -Thiếu vốn đối ứng vốn từ cơ sở, doanh

Thứ tự	Giải pháp & Hoạt động	Mục tiêu chung	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Mức kinh phí & nguồn kinh phí thực hiện	Kết quả mong đợi & chỉ số đo lường	Thứ tự ưu tiên	Rủi ro
									trợ bằng hình thức: vốn của nhà nước và vốn đối ứng của doanh nghiệp, hỗ trợ theo quy định hiện hành)			ngành

3. Giải pháp 3: Đổi mới, cải tiến công nghệ sản xuất than gáo dừa thân thiện môi trường

3.1	HĐ12: Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng và tác động môi trường của sản xuất than than thêu kết (gáo dừa)	Làm cơ sở cho việc đổi mới và cải tiến kỹ thuật SX than gáo dừa (than thêu kết) theo hướng thân thiện với môi trường	- Chỉ ra được các nguyên nhân gây ô nhiễm. - Đề xuất được giải pháp về công nghệ khắc phục ô nhiễm	Sở KHCN	Viện Trường (chuyên môn)	Các cơ sở sơ đốt than gáo dừa (các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành và TP Trà Vinh)	Năm 2018-2020	Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học	Kinh phí: 500 triệu đồng từ nguồn khoa học công nghệ	- Đo lường được các chỉ tiêu môi trường - Chỉ ra các nguyên nhân gây ô nhiễm - Đề xuất được giải pháp về công nghệ khắc phục ô nhiễm	II	Nguồn ngân sách NCKH hạn chế
3.2	HĐ13: Đầu tư hỗ trợ thực hiện và triển khai nhân rộng mô hình cải	Đổi mới và cải tiến kỹ thuật sản xuất than gáo dừa (than thêu	Giảm thiểu ô nhiễm môi trường (bụi, tiếng ồn)	Sở Công Thương	Các cơ sở sản xuất than gáo dừa, Dự án	Các cơ sở đốt than gáo dừa	Năm 2019-2020	Đầu tư hỗ trợ thực hiện mô hình thí điểm (hợp tác công tư)	Kinh phí: 1,8 tỷ đồng từ nguồn kinh phí Dự án SME Trà	70% cơ sở đốt than gáo dừa tham gia thực hiện đổi mới công nghệ đốt	II	Khả năng đối ứng vốn của các cơ sở hạn chế; giá của

Thứ tự	Giải pháp & Hoạt động	Mục tiêu chung	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Mức kinh phí & nguồn kinh phí thực hiện	Kết quả mong đợi & chỉ số đo lường	Thứ tự ưu tiên	Rủi ro
	tiến công nghệ đốt than gáo dừa	kết) theo hướng thân thiện với môi trường			SME				Vinh, các nguồn khác và đối ứng của doanh nghiệp	than.		công nghệ, dây chuyền thiết bị cao

4. Giải pháp 4: Nâng cao điều kiện sản xuất và môi trường lao động an toàn

4.1	HĐ14: Hỗ trợ cải tạo nền đất của nơi se chi xơ dừa của các hộ theo hình thức trái bặt	Nâng cao và đảm bảo chất lượng sản phẩm chỉ xơ dừa	- 75% hộ có yêu cầu được hỗ trợ - 50% hộ được hỗ trợ là hộ nghèo, hộ dân tộc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Dự án SME	Các hộ nghèo, cận nghèo tham gia các tổ liên kết với DN dệt thảm, dệt lưới xuất khẩu	2019-2020	Hỗ trợ kinh phí trái bặt (diện tích khoảng 60m ² /hộ) Khoảng 2 triệu đồng/hộ.	Kinh phí: 100 triệu đồng/50hộ Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh và các nguồn, dự án khác	Nâng cao năng suất, điều kiện lao động	II	
4.2	HD15: Nghiên cứu giải pháp về công nghệ để giảm ô nhiễm (tiếng ồn và bụi) trong khâu sơ chế chỉ xơ dừa	Bảo vệ môi trường và sức khỏe người lao động trong khâu sơ chế chỉ xơ dừa	Nghiên cứu thành công giải pháp về công nghệ để giảm ô nhiễm (tiếng ồn và bụi) trong khâu sơ chế chỉ xơ dừa	Sở KHCN	Viện, Trường chuyên môn.	Các cơ sở sơ chế chỉ xơ dừa	Năm 2019-2020	Thực hiện Đề tài nghiên cứu và đưa ra được các giải pháp để khắc phục ô nhiễm	Kinh phí: 500 triệu đồng Nguồn: chương trình nghiên cứu khoa học	- Giải pháp công nghệ phù hợp về tài chính và khả thi cao. - Giảm được 70% (ước tính qua quan sát) ô nhiễm do bụi và tiếng ồn	II	Không mời được Viện, trường tham gia
4.3	HĐ16: Tuyên truyền,	Nâng cao ý	Tổ chức 3 lớp tại các cơ sở sơ chế và	Sở Lao động, Thương	Các Sở, Ban, ngành và	Các cơ sở sơ chế, hộ se chỉ xơ	2018-2020	Tổ chức tập huấn, huấn luyện tại cơ	Kinh phí: 195 triệu đồng/13 lớp	Có ít nhất 70% lao động tại các cơ sở	I	Tính tự nguyện áp dụng các

Thứ tự	Giải pháp & Hoạt động	Mục tiêu chung	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Mức kinh phí & nguồn kinh phí thực hiện	Kết quả mong đợi & chỉ số đo lường	Thứ tự ưu tiên	Rủi ro
	hướng dẫn điều kiện bảo hộ lao động khi tham gia sản xuất	thức, an toàn hơn cho người lao động khi tham gia sản xuất	10 lớp cho các hộ se chỉ	binh và Xã hội	địa phương có liên quan	dừa		sở sơ chế, hộ se chỉ	Kinh phí ngân sách tỉnh và các nguồn khác	sơ chế tham gia tập huấn		biện pháp bảo hộ lao động không cao; Khả năng tiếp nhận thông tin và thực hiện của lao động bị hạn chế
4.4	HĐ 17: Hỗ trợ thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời phục vụ phơi tơ xơ dừa (che kính bằng tấm bạc).	Hoạt động được thực hiện nhằm mục đích nâng cao và đảm bảo chất lượng sản phẩm chỉ xơ dừa, tiết kiệm điện, công lao động, nhất là góp phần bảo vệ môi trường.	Hỗ trợ kinh phí che kính bằng tấm bạc cho từ 2-5 cơ sở, doanh nghiệp sản xuất chỉ tơ xơ dừa (diện tích khoảng $50m^2 - 100m^2/cơ\ sở$).	Sở Công thương	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	Các cơ sở, công ty, doanh nghiệp se chỉ xơ tơ dừa	2019-2020	Tổ khảo sát nắm nhu cầu của các cơ sở, công ty, doanh nghiệp se chỉ xơ tơ dừa, lập danh sách, hồ sơ để hỗ trợ (hỗ trợ theo hình thức vốn nhà nước và đối ứng của doanh nghiệp theo quy định hiện hành)	Kinh phí: 200-500 triệu đồng/50 m^2 ; kinh phí ngân sách tỉnh và các nguồn khác (Hỗ trợ bằng hình thức: vốn của nhà nước và vốn đối ứng của doanh nghiệp, hỗ trợ theo quy định hiện hành)	Hỗ trợ từ 2-5 cơ sở, doanh nghiệp sản xuất chỉ tơ xơ dừa (diện tích khoảng $50m^2 - 100m^2/cơ\ sở$).	II	Không có cơ sở, doanh nghiệp đăng ký, nguồn kinh phí hỗ trợ không đủ

Thứ tự	Giải pháp & Hoạt động	Mục tiêu chung	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Mức kinh phí & nguồn kinh phí thực hiện	Kết quả mong đợi & chỉ số đo lường	Thứ tự ưu tiên	Rủi ro
II. Chiến lược phát triển thị trường:												
5. Giải pháp 5: Phát triển đa dạng hóa sản phẩm từ dừa												
5.1	HĐ18: Khảo sát, đánh giá nhu cầu thị trường trong và ngoài nước theo hướng đa dạng hóa sản phẩm từ ngành dừa; Nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước để xác định lượng cầu về 2 sản phẩm than viên không khói và hộp than khử mùi; Xác định nhu cầu đa dạng hóa sản	Khảo sát, đánh giá nhu cầu thị trường theo hướng đa dạng hóa sản phẩm từ mụn dừa; Nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước để xác định lượng cầu về 2 sản phẩm than viên không khói và hộp than khử mùi; Xác định nhu cầu đa	Xác định được thị trường tiêu thụ sản phẩm từ dừa và khả năng kết nối thị trường; Có ít nhất 2 cơ sở, doanh nghiệp đồng thuận thực hiện đa dạng hóa sản phẩm.	DA SME	Các doanh nghiệp, Hiệp hội doanh nghiệp và các ngành có liên quan	Các tác nhân tham gia thị trường dừa trong và ngoài tỉnh.	Năm 2018-2020	Khảo sát, đánh giá theo “dòng chảy của chuỗi giá trị” từ các đầu mối thu mua mụn dừa của các cơ sở sơ chế. Mời chuyên gia tham gia nghiên cứu và trao đổi trực tiếp xác định nhu cầu và khả năng thực hiện đa dạng hóa sản phẩm.	Kinh phí 500 triệu đồng; nguồn Dự án SME Trà Vinh	Xác định được thị trường tiêu thụ sản phẩm từ dừa và khả năng kết nối thị trường; Có ít nhất 2 cơ sở, doanh nghiệp đồng thuận thực hiện đa dạng hóa sản phẩm.	I	Thông tin thu thập không chính xác do đáp viên không sẵn lòng trả lời. Thiếu sự đồng thuận tham gia đa dạng hóa sản phẩm

Thứ tự	Giải pháp & Hoạt động	Mục tiêu chung	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Mức kinh phí & nguồn kinh phí thực hiện	Kết quả mong đợi & chỉ số đo lường	Thứ tự ưu tiên	Rủi ro
	phẩm của cơ sở, doanh nghiệp sơ chế, chế biến	dạng hóa sản phẩm của cơ sở, doanh nghiệp sơ chế, chế biến										
5.2	HĐ19: Hỗ trợ thực hiện mô hình chế biến đa dạng hóa các sản phẩm từ dừa (trên cơ sở đánh giá nhu cầu ở hoạt động 18)	Hỗ trợ ban đầu cho doanh nghiệp thực hiện mô hình đa dạng hóa sản phẩm	Doanh nghiệp thực hiện mô hình đa dạng hóa sản phẩm làm gia tăng giá trị các sản phẩm từ dừa	Dự án SME	Đối tác cung cấp tư vấn chuyên giao công nghệ thực hiện đa dạng hóa sản phẩm	Tại những DN, cơ sở chế biến tự nguyện tham gia mô hình	2018-2020	Thực hiện mô hình tại các cơ sở, doanh nghiệp chế biến, hợp tác công tư	Kinh phí: 5 tỷ đồng; nguồn Dự án SME Trà Vinh	Có ít nhất 3 cơ sở, DN tham gia	II	- Rào cản công nghệ, kỹ thuật sản xuất sản phẩm từ mụn dừa đòi hỏi cao. - Nguồn vốn để đầu tư thiết bị lớn
5.3	HĐ 20: Mời gọi xây dựng nhà máy chế biến (nước dừa đóng hộp, bột dừa, đồ thủ công mỹ)	Xây dựng được nhà máy chế biến các sản phẩm có giá trị gia tăng cao từ	Kêu gọi đầu tư xây dựng được 01 nhà máy chế biến các sản phẩm có giá trị gia tăng từ nguồn nguyên liệu	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành, các địa phương, các đơn vị có liên quan và các	Trên địa bàn tỉnh	2019-2020	Kêu gọi đầu tư xây dựng	Kinh phí dự kiến khoảng 500 tỷ đồng.; từ nguồn kinh phí kêu gọi đầu tư và ngân sách tỉnh	Xây dựng được 01 nhà máy chế biến các sản phẩm có giá trị gia tăng từ nguồn nguyên liệu dừa	I	Không kêu gọi được nhà đầu tư

Thứ tự	Giải pháp & Hoạt động	Mục tiêu chung	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Mức kinh phí & nguồn kinh phí thực hiện	Kết quả mong đợi & chỉ số đo lường	Thứ tự ưu tiên	Rủi ro
	nghệ,...)	nguồn nguyên liệu cây dứa của tỉnh	dừa tại tỉnh		chuyên gia cùng các nhà đầu tư.							
6. Giải pháp 6: Nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp và tiếp cận thị trường												
6.1	HĐ21: Đánh giá nhu cầu đào tạo nâng cao năng lực cho cơ sở, doanh nghiệp tham gia CGT (Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản lý, điều hành hoạt động SXKD...)	Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản lý, điều hành hoạt động SXKD	Xác định được danh mục các nội dung cần đào tạo từ các doanh nghiệp.	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Trà Vinh	Hoặc thuê tư vấn thực hiện, Dự án SME	Các cơ sở, DNNVV tham gia CGT dứa trong tỉnh	Năm 2018-2019	- Khảo sát trực tiếp về nguyện vọng đào tạo nâng cao năng lực - Tổ chức hội nghị để gặp gỡ các DN	Kinh phí: 200 triệu đồng; nguồn kinh phí Dự án SME Trà Vinh	Có được danh mục các nội dung cần đào tạo, huấn luyện, hình thức đào tạo	I	Tính tham gia trao đổi cung cấp thông tin về nhu cầu đào tạo của DN không cao.
6.2	HĐ22: Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực quản lý	Trang bị và cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực kỹ năng quản	Năng lực quản lý của doanh nghiệp được nâng lên. Có ít nhất 50%	Sở Công thương	- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Trà Vinh;	Trong tỉnh	2018-2020	Mời chuyên gia đào tạo, tập huấn	Kinh phí: 600 triệu đồng; nguồn kinh phí Dự án SME Trà Vinh	Có trên 70% doanh nghiệp tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện theo chuyên	II	Học viên tham gia không thường xuyên, Doanh

Thứ tự	Giải pháp & Hoạt động	Mục tiêu chung	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Mức kinh phí & nguồn kinh phí thực hiện	Kết quả mong đợi & chỉ số đo lường	Thứ tự ưu tiên	Rủi ro
	cho DN	lý và tiếp cận thị trường cho doanh nghiệp.	DN ngành dứa có nguyện vọng tham gia các khóa đào tạo		- Dự án SME					đề xuất đạt yêu cầu		ng nghiệp cử nhân viên đại diện tham dự (không đúng đối tượng)
6.3	HD23: Thành lập Hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ sản phẩm dứa với quy mô toàn tỉnh (hoạt động mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị)	Nâng cao vai trò liên kết ngang, định hướng hợp tác xã kinh doanh đa dịch vụ	Thành lập được HTX trên phạm vi toàn tỉnh hoạt động mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị dứa	Liên minh HTX Trà Vinh	Các đơn vị có liên quan và các chuyên gia	Trên toàn tỉnh	Năm 2018-2020 và các năm tiếp theo	Phối hợp chính quyền địa phương và các ngành chức năng, mời chuyên gia tư vấn, vận động nông dân các huyện trồng dứa đăng ký thành lập.	Kinh phí dự kiến 3-5 tỷ đồng, từ nguồn Dự án SME Trà Vinh	Thành lập được Hợp tác xã hoạt động mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị dứa với trên 500 hộ trồng dứa tham gia vào hợp tác xã.	I	Thời gian thành lập chậm, số lượng xã viên không đủ.
6.4	HD24: Tổ chức cho các doanh nghiệp tham quan các mô hình quản lý	Tạo cơ hội cho DNNVV tiếp thu các kỹ năng quản lý doanh	Học tập được các quản lý có hiệu quả tại các doanh nghiệp để áp dụng tại doanh nghiệp	Sở Công thương	Dự án SME	Tại các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh Trà Vinh	2018-2020	Tổ chức các chuyên tham quan.	Kinh phí 180 triệu đồng/3năm; nguồn kinh phí Dự án SME Trà Vinh	Tổ chức 06 cuộc tham quan với 20-30 đại diện doanh nghiệp tham gia/cuộc	II	Thời gian tổ chức không phù hợp nên doanh nghiệp khó

Thứ tự	Giải pháp & Hoạt động	Mục tiêu chung	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Mức kinh phí & nguồn kinh phí thực hiện	Kết quả mong đợi & chỉ số đo lường	Thứ tự ưu tiên	Rủi ro
	doanh nghiệp và tiếp cận thị trường hiệu quả	ngành	minh.									khẩn khi tham gia

III. Chiến lược nâng cao vai trò hỗ trợ phát triển của các hiệp hội, ban ngành cấp tỉnh và Dự án SME Trà Vinh

7. Giải pháp 7: Tăng cường công tác xúc tiến thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

7.1	HĐ25: Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư và thương mại kết nối thị trường trong, ngoài nước để tìm kiếm thị trường, đa dạng hóa sản phẩm	Tạo cơ hội, diễn đàn giới thiệu kết nối, hợp tác kinh doanh các sản phẩm từ dừa của Trà Vinh với các nhà đầu tư trong và ngoài nước	Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư và thương mại đối với ngành hàng dừa (mỗi năm 01 cuộc)	Dự án SME	- Hiệp hội DN - Các Sở, ngành có liên quan	Trong và ngoài nước	2018 -2020	Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư và thương mại (hội thảo, triển lãm...)	Kinh phí: 6 tỷ đồng/3năm; nguồn kinh phí ngân sách tỉnh và các nguồn khác	- Trên 50% doanh nghiệp trong CGT dừa tham gia và có sản phẩm trưng bày - Mời được các nhà đầu tư, kinh doanh các sản phẩm dừa ngoài nước (như Hàn Quốc, Nhật, Trung Quốc...) tham gia	I	Các tác nhân tham gia hội nghị không đủ, không mời được đúng thành phần
7.3	HĐ26: Hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng các phần mềm	Giúp cho doanh nghiệp thuận tiện trong quản	- 50% doanh nghiệp có nhu cầu về ứng dụng CNTT được	Dự án SME	Nhà cung cấp giải pháp CNTT trong	Tại các doanh nghiệp có nhu cầu ứng dụng công	Năm 2018 -2020	Hỗ trợ một phần hoặc toàn phần chi phí lập trình hoặc	200 triệu đồng từ nguồn kinh phí Dự án	-50% doanh nghiệp có nhu cầu về ứng dụng CNTT	II	Khả năng vận hành và khai thác phần mềm của

Thứ tự	Giải pháp & Hoạt động	Mục tiêu chung	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Mức kinh phí & nguồn kinh phí thực hiện	Kết quả mong đợi & chỉ số đo lường	Thứ tự ưu tiên	Rủi ro
	quản lý doanh nghiệp (theo kết quả của HĐ 24)	lý, theo dõi các hoạt động sản xuất kinh doanh	hỗ trợ; - 80% doanh nghiệp được hỗ trợ có thể khai thác phần mềm hiệu quả		quản lý	nghệ thông tin		cài đặt phần mềm cho doanh nghiệp	SME Trà Vinh	được hỗ trợ -80% doanh nghiệp được hỗ trợ có thể khai thác phần mềm hiệu quả		doanh nghiệp chưa hiệu quả do năng lực và hạ tầng kỹ thuật hạn chế

8. Giải pháp 8: Hình thành mạng lưới vệ tinh cung cấp dứa trái cho nhà máy chế biến dứa

8.1	HĐ27: Liên kết các cơ sở thu mua, sơ chế, kinh doanh nhỏ với các doanh nghiệp đầu tàu.	Cung cấp đủ nguyên liệu cho các nhà máy chế biến	Liên kết hợp đồng cung cấp nguyên liệu theo CGT	Dự án SME	Sở, ngành có liên quan; Hiệp hội doanh nghiệp	Huyện Tiểu Cần	2018-2020	Ký kết hợp đồng cung cấp nguyên liệu.	Kinh phí khoảng 250 triệu đồng; từ nguồn kinh phí Dự án SME Trà Vinh	Ký được hợp đồng cung cấp nguyên liệu với ít nhất 5 vệ tinh	I	Các vệ tinh không thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết
-----	--	--	---	-----------	---	----------------	-----------	---------------------------------------	--	---	---	---